TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TC** TỈNH AG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày: 20/04/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Thuận

2. Bà Lương Thị Kim Ngân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lâm Phước Tín - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

Ngày 20 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-DS ngày 28/03/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ 02, ấp 03, xã Vĩnh Xương, thị xã TC, tỉnh AG (có mặt).

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp Vĩnh Nghĩa, xã Vĩnh Tường, huyện AP, tỉnh AG (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Hùng L, sinh năm 1982 và chị Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: Tổ 03, ấp 01, xã Vĩnh Xương, thị xã TC, tỉnh AG (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị T (và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh H) trình bày:

Vào năm 2019, năm 2020 vợ chồng anh Đặng Hùng L và chị Huỳnh Thị Ph có tham gia nhiều dây hụi do bà Võ Thị T làm chủ hụi, cụ thể:

Ngày 25/06âl/2019 (nhằm ngày 27/07/2019 dương lịch), bà T khởi 01 (một) dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 23 hụi viên, anh L và chị Ph tham gia 01 phần hụi. Hụi khui đến lần thứ 04, anh L và chị Ph hốt với số tiền là 4.300.000 đồng x 19 (trừ anh L và chị Ph) + 5.000.000 đồng x 3 (số hụi viên đã hốt) = 96.700.000 đồng, tiền huê hồng là 2.000.000 đồng. Anh L và chị Ph góp hụi lại được 10 lần với số tiền là 50.000.000 đồng và chưa góp hụi lại 09 lần với số tiền là 45.000.000 đồng.

Ngày 10/01âl/2020 (nhằm ngày 03/02/2020 dương lịch), bà T khởi 01 (một) dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 23 hụi viên, anh L và chị Ph tham gia 01 phần hụi. Hụi khui đến lần thứ tư anh L và chị Ph hốt với số tiền là 1.700.000 đồng x 18 (trừ anh L và chị Ph) + 2.000.000 đồng x 4 (số hụi viên đã hốt) = 38.600.000 đồng, tiền huê hồng là 800.000 đồng. Anh L và chị Ph góp hụi lại được 11 lần với số tiền là 22.000.000 đồng và chưa góp hụi lại 07 lần với số tiền là 14.000.000 đồng.

Ngày 15/05âl/2020 (nhằm ngày 05/07/2020 dương lịch), bà T khởi dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 23 hụi viên, anh L và chị Ph tham gia 01 phần hụi. Hụi khui thứ nhất thì anh L và chị Ph hốt hụi với số tiền là 4.300.000 đồng x 22 (trừ anh L và chị Ph) = 94.600.000 đồng, tiền huê hồng là 2.000.000 đồng. Anh L và chị Ph góp hụi lại được 07 lần với số tiền là 35.000.000 đồng và chưa góp lại 15 lần với số tiền là 75.000.000 đồng.

Ngày 20/08âl/2020 (nhằm ngày 06/10/2020 dương lịch), bà T khởi dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 23 hụi viên, anh L và chị Ph tham gia 01 phần hụi. Hụi đến lần thứ 02 anh L và chị Ph hốt với số tiền là 4.200.000 đồng x 21 (trừ anh L và chị Ph) + 5.000.000 đồng (số hụi viên đã hốt) = 93.200.000 đồng, tiền huê hồng là 2.000.000 đồng. Anh L và chị Ph góp hụi lại được 04 lần với số tiền là 20.000.000 đồng và chưa góp hụi lại 17 lần với số tiền là 85.000.000 đồng.

Ngày 25/10âl/2020 (nhằm ngày 09/12/2020), bà T khởi 50 dây hụi ngày, hụi 20.000 đồng/ngày, hụi gồm 50 hụi viên mỗi ngày khui 01 lần, anh L và chị Ph tham gia 70 phần, đến ngày thứ 03 anh L và chị Ph bỏ 1.000 đồng để hốt 70 phần, các hụi viên phải đóng 19.000 đồng/phần, tổng cộng anh L và chị Ph hốt được số tiền là 19.000 đồng x 46 (trừ anh L và chị Ph) + 20.000 đồng x 3 (số hụi viên đã hốt) = 936.000 đồng - 20.000 đồng tiền huê hồng = 916.000 đồng x 70 phần = 63.980.000 đồng. Anh L và chị Ph góp được 01 ngày, anh L còn thiếu lại 45 ngày số tiền là 63.000.000 đồng.

Ngày 05/11âl/2020 (nhằm ngày 18/12/2020 dương lịch), bà T khởi 02 (hai) dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 23 hụi viên, anh L và chị Ph tham gia 02 phần, mỗi dây 01 (một) phần, hụi khui thứ nhất thì anh L và chị Ph hốt hai phần

hụi, với số tiền là 1.600.000 đồng x 22 (trừ anh L và chị Ph) x 2 phần = 70.400.000 đồng, tiền huê hồng là 800.000 đồng mỗi phần sau khi hốt anh L và chị Ph góp hụi lại được 04 lần với số tiền là 16.000.000 đồng. Anh L và chị Ph chưa góp hụi 18 lần với số tiền là 72.000.000 đồng.

Ngày 30/11âl/2020 (nhằm ngày 12/01/2021), bà T khởi 02 dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 23 hụi viên, anh L và chị Ph tham gia 02 (hai) phần hụi. Hụi đến lần thứ 02 anh L và chị Ph hốt với số tiền là 4.150.000 đồng x 21 (trừ ông L) + 5.000.000 đồng (số hụi viên đã hốt) = 92.150.000 đồng x 2 phần = 184.300.000 đồng, tiền huê hồng là 2.000.000 đồng, anh L và chị Ph chưa góp hụi lại 19 lần với số tiền là 190.000.000 đồng.

Ngày 02/12/2020, anh L và chị Ph có nhờ bà T vay Phan Ngọc Nh (con bà T) số tiền là 100.000.000 đồng, anh L và chị Ph hứa 01 tháng sẽ trả lại, do đến hẹn anh L và chị Ph không có khả năng trả nên vào khoảng tháng 3 năm 2021 (không nhớ rõ ngày) anh L và chị Ph đã mượn tiền bà T trả cho Nh 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không viết biên nhận nợ, không thỏa thuận thời hạn vay.

Tất cả các dây hụi vợ chồng anh L và chị Ph tham gia đã kết thúc. Sau đó (không nhớ rõ thời gian) vợ chồng L, Ph trả tiền hụi cho bà T 6.500.000 đồng. Đến ngày 08/07/2022, bà T cùng vợ chồng anh L, chị Ph thống nhất lại số tiền hụi và tiền vay, vợ chồng anh L, chị Ph chưa thanh toán cho bà T là 637.500.000 đồng.

Ngày 20/08âl/2022 (nhằm ngày 15/09/2022 dương lịch) vợ chồng anh L, chị Ph trả cho bà T tiền hụi 8.800.000 đồng. Ngày 06/11âl/2022 (nhằm ngày 29/11/2022 dương lịch) vợ chồng anh L, chị Ph trả cho bà T tiền hụi 3.000.000 đồng, tổng cộng là 11.800.000 đồng. Như vậy, vợ chồng anh L, chị Ph còn nợ lại bà T số tiền hụi, tiền vay là 637.500.000 đồng - 11.800.000 = 625.700.000 đồng (trong đó tiền hụi 525.700.000 đồng, tiền vay 100.000.000 đồng). Bà T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh L, chị Ph trả nợ nhưng vợ chồng anh L, chị Ph cứ hẹn mà không trả.

Nay bà Võ Thị T biết hoàn cảnh gia đình của vợ chồng anh L, chị Ph khó khăn và qua sự động viện của Hội đồng xét xử nên bà T yêu cầu vợ chồng anh L và chị Ph có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền hụi và tiền vay là 530.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn (và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) cung cấp các tài liệu: Bản chính giấy nhận nợ; bản tự khai (văn bản trình bày ý kiến của anh H); bản tự khai (tờ tường trình của bà T) .

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đặng Hùng L và chị Huỳnh Thị Ph trình bày:

Anh Đặng Hùng L và chị Huỳnh Thị Ph trình bày: Vợ chồng anh L, chị Ph có tham gia nhiều dây hụi do bà T làm chủ như lời khai nêu trên của bà T. Mục đích hốt

hụi là làm vốn chăn nuôi cá và làm cửa sắt. Vợ chồng anh L, chị Ph hốt hụi nhiều lần nhưng không nhớ tổng cộng số tiền là bao nhiêu. Tất cả các dây hụi vợ chồng anh L và chị Ph tham gia đã kết thúc. Sau khi hốt hụi (không nhớ rõ thời gian), vợ chồng anh L, chị Ph trả cho bà T tiền hụi 6.500.000 đồng. Đến ngày 08/07/2022, vợ chồng anh L, chị Ph cùng bà T hống nhất lại số tiền hụi và tiền vay, vợ chồng anh L, chị Ph chưa thanh toán cho bà T là 637.500.000 đồng, trong đó tiền hụi chưa thanh toán cho bà T là 537.500.000 đồng, tiền vay của bà T 100.000.000 đồng, thời điểm nhận tiền vay các bên không thỏa thuận lãi suất, không viết biên nhận nợ, không thỏa thuận thời hạn vay. Bà T có làm giấy nhận nợ cho vợ chồng anh L, chị Ph ký tên, ghi họ tên và điểm chỉ, các bên thống nhất trong giấy nhận nợ là 637.500.000 đồng tiền hụi nhưng thực tế đây là tiền hụi (537.500.000 đồng) và tiền vay (100.000.000 đồng).

Ngày 20/08âl/2022 (nhằm ngày 15/09/2022 dương lịch) vợ chồng anh L, chị Ph trả cho bà T tiền hụi 8.800.000 đồng. Ngày 06/11âl/2022 (nhằm ngày 29/11/2022 dương lịch) vợ chồng anh L, chị Ph trả cho bà T tiền hụi 3.000.000 đồng, tổng cộng là 11.800.000 đồng.

Hiện nay, vợ chồng anh L, chị Ph đang khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả dứt một lần cho bà T số tền 530.000.000 đồng, xin được trả dần cho bà T mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ 530.000.000 đồng và xin không tính lãi suất.

Bị đơn cung cấp các tài liệu: Bản chính biên nhận tiền hụi và vay ngày 05/03âl/2021 (02 bản); Bản chính biên nhận tiền hụi ngày 05/11âl/(không ghi năm); Bản chính biên nhận tiền hụi và tiền lãi; Bản tự khai (tờ tường trình của anh L, chị Ph).

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đối chất về số tiền vay, tiền hụi và động viên hòa giải các đương sự.

Vợ chồng anh L, chị Ph và bà T cùng thống nhất khai, ngày 08/07/2022, vợ chồng anh L, chị Ph và bà T cùng xác nhận trong giấy nhận nợ, với nội dung vợ chồng anh L, chị Ph còn nợ tiền hụi bà T 637.500.000 đồng, là do các bên không hiểu rõ quy định của pháp luật về việc thiếu nợ hụi, nợ vay. Qua sự giải thích của Hội đồng xét xử, vợ chồng anh L, chị Ph và bà T xác định còn nợ tiền hụi bà T 525.700.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền vay. Bà T yêu cầu vợ chồng anh L, chị Ph thanh toán số tiền hụi, tiền vay 530.000.000 đồng, không tính lãi suất do hoàn cảnh kinh tế của anh L, chị Ph khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu ông Đặng Hùng L và bà Huỳnh Thị Ph có trách nhiệm thanh toán tiền hụi, tiền vay. Anh Đặng Hùng L và chị Huỳnh Thị Ph cùng cư trú: Ấp 01, xã Vĩnh Xương, thị xã TC, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại phiên tòa, vợ chồng anh L, chị Ph thống nhất còn nợ tiền hụi bà T 525.700.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền vay. Bà T yêu cầu vợ chồng anh L, chị Ph thanh toán số tiền hụi, tiền vay 530.000.000 đồng do hoàn cảnh kinh tế của anh L, chị Ph khó khăn. Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản".

[3] Về việc vắng mặt đượng sự: Anh Nguyễn Phước H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Kiểm sát tuân theo pháp luật: Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản:

Hợp đồng góp hụi: Bà Võ Thị T khai năm 2019, năm 2020 vợ chồng anh Đặng Hùng L và chị Huỳnh Thị Ph là hụi viên, có tham gia nhiều dây hụi do bà T làm chủ hụi, vợ chồng L, Ph đã hốt hụi và các dây hụi đã kết thúc. Sau đó (không nhớ rõ thời gian), vợ chồng L, Ph trả cho bà T 6.500.000 đồng tiền hụi. Đến ngày 08/07/2022 bà T cùng vợ chồng anh L, chị Ph thống nhất lại số tiền hụi, vợ chồng anh L, chị Ph chưa thanh toán cho bà T à 637.500.000 đồng (nhưng thực tế tiền hụi (537.500.000 đồng) và tiền vay (100.000.000 đồng)). Ngày 20/08âl/2022 (nhằm ngày 15/09/2022 dương lịch) vợ chồng anh L, chị Ph trả cho bà T tiền hụi 8.800.000 đồng. Ngày 06/11âl/2022 (nhằm ngày 29/11/2022 dương lịch) vợ chồng anh L, chị Ph trả cho bà T tiền hụi 3.000.000 đồng, tổng cộng là 11.800.000 đồng. Như vậy, vợ chồng anh L, chị Ph còn nợ lại bà T số tiền hụi, 525.700.000 đồng.

Về hợp đồng vay tài sản: Vào khoảng tháng 03/2021, bà Võ Thị T có cho vợ chồng L, Ph vay số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không viết biên nhận nợ, không thỏa thuận thời hạn vay.

Vợ chồng anh L, chị Ph thừa nhận có tham gia góp hụi các dây hụi do bà T làm chủ và còn nợ lại bà T số tiền hụi 525.700.000 và có vay của bà T số tiền

100.000.000 đồng như lời khai của bà T, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Giữa bà T với vợ chồng anh L, chị Ph có thỏa thuận, xác lập hợp đồng góp hụi trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể *"Họ, hụi, biêu, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên."*

Ngoài ra, bà T và vợ chồng anh L, chị Ph cùng trình bày có thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không viết biên nhận nợ, không thỏa thuận thời hạn vay. Xét thấy, các bên tham gia giao dịch đều hoàn toàn tự nguyện và có đủ năng lực hành vi dân sự nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*.

Căn cứ vào sự thừa nhận của đương sự và theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường thì anh L, chị Ph đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên đối với chủ hụi và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…"*. Xét thấy, vợ chồng anh L, chị Ph không thực hiện đúng trách nhiệm của hụi viên và bên vay tài sản, vi phạm nghĩa vụ đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh L, chị Ph có trách nhiệm trả một lần số tiền hụi và vay tài sản là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể*"Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ"*.

Vợ chồng anh L, chị Ph xác nhận còn nợ tiền hụi bà T 525.700.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền vay. Bà T yêu cầu vợ chồng anh L, chị Ph thanh toán số tiền hụi, tiền vay 530.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi do hoàn cảnh kinh tế của anh L, chị Ph khó khăn là có lợi cho anh L, chị Ph. Hội đồng xét xử, chấp nhận.

[2] Anh L, chị Ph đồng ý trả số tiền 530.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T, nhưng xin trả 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, xét không chấp nhận.

Tuy nhiên, cách trả sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Đặng Hùng L và chị Huỳnh Thị Ph phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471, khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với anh Đặng Hùng L và chị Huỳnh Thị Ph về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi, hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Đặng Hùng L và chị Huỳnh Thị Ph cùng liên đới có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị T số tiền hụi, tiền vay 530.000.000 đồng (năm trăm ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Đặng Hùng L và chị Huỳnh Thị Ph phải chịu 25.200.000 (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị T không phải án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị T số tiền 14.750.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007328 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

Quyền kháng cáo: Các đương sự bà Võ Thị T, anh Đặng Hùng L và chị Huỳnh Thị Ph có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TX. TC (2);
- TAND tỉnh AG (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. TC (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương